

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/DS-PT

Ngày: 21-5-2019.

V/v “Tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các thẩm phán:

1. Ông Lâm Văn Be
2. Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLPT- DS ngày 26 tháng 03 năm 2019 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/ 2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:140/2019/QĐXX-PT ngày 28 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Kiều Văn C, sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Sở V, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị X, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tòa án không triệu tập.

2. Bà Vương Thị Tố L (tên gọi khác: L), sinh năm: 1981. Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Phước T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Ông Lê Quang T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh

Tây Ninh; có mặt.

4. Ông Nguyễn Trung Q, sinh năm: 1981; địa thường trú: Ấp Long H, xã Long C, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tòa án không triệu tập.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp Xóm K, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2018, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 17/9/2018; các lời khai tiếp theo và các biên bản tại Tòa của nguyên đơn - ông Kiều Văn C trình bày:

Ông C được ông Nguyễn Trung Q giới thiệu gặp ông Nguyễn Sở V để mua đất ruộng. Tại quán cà phê Thủy Mộc thuộc xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; các bên thỏa thuận mua đất ruộng của ông V giá 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; Ông C giao 2 xe ô tô của ông gồm xe ô tô tải hiệu ASIA trọng tải 18 tấn, biển kiểm soát 70C-07853 và xe ô tô tải ASIA trọng tải 1,4 tấn, biển kiểm soát 70C-07894; thống nhất giá trị 2 xe 600.000.000 đồng thay cho tiền đặt cọc nhưng làm giấy tay mua bán xe và hẹn 10 ngày sau thanh toán đủ tiền sẽ làm thủ tục sang nhượng.

Ngày 11/12/2017, Ông C giao tiếp cho ông V số tiền 30.000.000 đồng, có biên nhận tiền. Đến ngày hẹn ông V và bà X và chị C không sang tên và hẹn nhiều lần; ông V lấy xe Ông C giao cho bà L để vay tiền. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 10/12/2017 giữa ông với ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C đối với phần đất ruộng tại ấp Long T, xã Long K, huyện B, tỉnh Tây Ninh; hợp đồng không ghi rõ diện tích, vị trí và tên người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông yêu cầu hủy giao dịch bán xe giữa Ông C và ông V; ông nhận xe và yêu cầu ông V trả số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 16/3/2018, ông có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên 02 xe ô tô tải trên để giao cho ông quản lý; tránh tài sản bị tẩu tán và bị hỏng.

Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên và giao 02 xe ô tô tải cho Ông C quản lý; Ông C đã đăng ký cấp lại giấy xe mới.

Ngày 27/9/2018, Ông C có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện; ông không yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu:

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 10/12/2017 (BL 61) giữa ông Kiều Văn C và ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C; có người làm chứng Nguyễn Trung Q và Phạm Văn Bao.

+ Hủy hợp đồng mua bán 02 xe ô tô tải theo giấy bán xe ngày 10/12/2017

(BL 18) giữa ông Kiều Văn C với ông Nguyễn Sở V; người làm chứng ông Nguyễn Trung Q và ông Phạm Văn B.

+ Yêu cầu bà L, ông V giao 02 xe ô tô tải cho ông và không yêu cầu trả giấy tờ xe và không yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng.

+ Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 01/2018/QĐ-BPBD và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 16/3/2018 để ông nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Bị đơn - ông Nguyễn Sở V trình bày:

Ông thừa nhận cùng bà X (vợ ông), chị C (con gái ông) có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng do cụ Nguyễn Thị Búng (mẹ ruột ông) và chị C đứng tên đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Ông đã nhận số tiền 600.000.000 đồng từ việc mua bán 02 xe ô tô tải đứng tên Ông C vào ngày 11/12/2017 và nhận số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 20/12/2017, Ông C không thanh toán đúng hạn nên gia đình ông không bán đất cho ông C; ông chấp nhận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 10/12/2017 và mua bán xe ngày 10/12/2017; ông không trả số tiền 30.000.000 đồng do Ông C vi phạm hợp đồng.

Ông đồng ý trả xe cho Ông C và không có ý kiến về việc Tòa án giao 02 xe ô tô tải cho Ông C tạm thời quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu của bà Vương Thị Tố L, ông Lê Quang T; ông thừa nhận có vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm giấy nợ, có người làm chứng ông Nguyễn Văn T ký tên. Ông có giao xe tải của Ông C cho bà L giữ và xác định là nợ riêng của ông. Ông không yêu cầu phản tố đối với vợ chồng bà L và không có ý kiến về hợp đồng mua bán xe của ông Quân.

Tòa án triệu tập hợp lệ ông V nhiều lần nhưng ông V không chấp hành; ông vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2.

Bị đơn - bà Đỗ Thị X trình bày: Bà thừa nhận cùng chồng ông V và chị C ký Hợp đồng sang nhượng đất ngày 10/12/2017; thỏa thuận bán đất cho ông C. Bà giao cho ông V quyết định và cùng ông V, chị C chịu trách nhiệm với thỏa thuận đã ký; bà không yêu cầu phản tố đối với Ông C và không có ý kiến khác.

Về yêu cầu của bà L đối với ông V và ông T, bà có biết nhưng mà không có nhận tiền; đây là nợ riêng của ông V; ông V có nghĩa vụ trả nợ. Bà không có ý kiến.

Tòa án triệu tập hợp lệ bà X đến tòa nhưng bà không chấp hành, bà vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. *Chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:* Chị thừa nhận cùng với ông V, bà Xký vào Hợp đồng sang nhượng đất ngày 10/12/2017 để bán đất cho ông C. Chị thống nhất lời khai của ông V; chị giao cho ông V quyền quyết định; chị cùng với ông V và bà X chịu trách nhiệm với thỏa thuận đã ký không có yêu cầu phản tố đối với Ông C và không có ý kiến khác.

Tòa án triệu tập hợp lệ chị C đến tòa nhưng chị không chấp hành, chị vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2

2. *Bà Vương Thị Tố L trình bày:*

Bà quen biết với ông Nguyễn Văn T, nên ngày 23/12/2017 khi ông T giới thiệu ông V vay tiền; vợ chồng bà đồng ý cho ông V vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy nợ thỏa thuận vay thời hạn 10 ngày; ông T ký tên người làm chứng; ông V giao cho bà giữ 01 xe ô tô tải biển số 70C-078.53 để làm tin; bà xem giấy bán xe giữa Ông C với ông V; do ông V vay không trả bên cạnh đó Ông C cho biết ông là chủ xe và đề nghị bà trả; do đó bà đem xe đến Công an huyện B, Tây Ninh giao trả.

Tòa án ra quyết định giao xe cho Ông C quản lý bà đồng ý. Bà yêu cầu ông V và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 02/01/2018 đến khi giải quyết xong vụ án; nghĩa vụ trả nợ của ông V là 0 đồng; nghĩa vụ trả nợ của ông T là 100.000.000 đồng.

Ngày 23/12/2017, ông Nguyễn Trung Q cùng ông T gặp vợ chồng bà hỏi vay số tiền 50.000.000 đồng và giao cho bà giữ 01 xe ô tô tải biển số 70C-07894 đứng tên Kiều Văn C để làm tin.

Ông Quân cho bà xem giấy tay Ông C bán xe cho ông V và giấy ông V bán xe cho ông Quân nên bà chấp nhận. Sau đó ông T có trả số tiền 25.000.000 đồng, đến nay ông Quân còn nợ số tiền 25.000.000 đồng.

Xe ô tô tải biển số 70C-07894 đứng tên Kiều Văn C đã do Ông C trực tiếp quản lý sử dụng; vợ chồng bà không có ý kiến. Bà yêu cầu Tòa án buộc ông Quân trả cho bà số tiền vay 25.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả từ ngày 02/01/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà yêu cầu: Ông V và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 23/12/2017 đến khi giải quyết xong vụ án; trong đó nghĩa vụ của ông V là 0 đồng, nghĩa vụ của ông T là 100.000.000 đồng. Ông Quân trả cho bà số tiền 25.000.000 đồng và trả lãi chậm trả từ ngày 23/12/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

3. Ông Lê Quang T trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà L.

4. Ông Nguyễn Trung Q trình bày: Ông giới thiệu Ông C mua đất của ông V với giá 1.500.000.000 đồng, Ông C giao cho ông V02 ô tô tải để trả trước số tiền 600.000.000 đồng, hạn 10 ngày cùng đến ngân hàng trả nợ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ra và làm thủ tục sang tên và sang tên xe. Ông không biết việc giao dịch giữa Ông C và ông V.

Ông V có bán cho ông xe ô tô tải biển số 70C-07894 giá 200.000.000 đồng làm giấy bán xe ngày 13/12/2017; ông trả trước số tiền 20.000.000 đồng, còn số tiền 180.000.000 đồng hạn khi ông V trả nợ ngân hàng để lấy sổ đỏ, ông trả đủ cho ông V.

Ông thừa nhận có vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng; ông đã gửi cho ông T trả cho bà L số tiền 25.000.000 đồng; ông còn nợ số tiền 25.000.000 đồng và đồng ý trả. Ông yêu cầu bà L trả xe và giấy tờ xe cho ông và không làm đơn yêu cầu khởi kiện theo quy định.

Ông không có yêu cầu đối với ông V và ông C. Ông Quân đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 23/12/2017, ông cùng ông V và ông Quân đến nhà vợ chồng bà L để cho ông V thỏa thuận vay tiền và giá xe; bà L cho rằng xe giá thấp nhưng vẫn đồng ý cho ông V vay tiền; sau khi ông V nhận tiền và làm biên nhận; bà L có nói: “ông V nhận tiền rồi, anh ký vô làm chứng giùm em” và nhờ ông ký làm chứng. Ông không liên quan số tiền vay này, ông không đồng ý với yêu cầu của vợ chồng bà L.

Ông T không yêu cầu phản tố; tại phiên tòa sơ thẩm ông T có đơn xin vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã tuyên:

Căn cứ các Điều 35, 39, 70, 201, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 138, 117, 122, 130, 131, 423, 427, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Kiều Văn C đối với ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD ngày 10-12-2017 và hợp đồng mua bán xe ngày 11/12/2017 giữa ông Kiều Văn C với ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C.

- Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán tài sản ngày 13/12/2017

giữa ông Nguyễn Sở V với ông Nguyễn Trung Q.

- Tuyên bố vô hiệu đối với phần thỏa thuận liên quan đến xe ô tô tải biển số 70C-07853 và giấy tờ xe đứng tên Kiều Văn C tại hợp đồng vay tài sản ngày 23/12/2017 giữa ông Nguyễn Sở V với bà Vương Thị Tố L.

- Tuyên bố vô hiệu đối với phần thỏa thuận liên quan đến xe ô tô tải biển số 70C-07894 và giấy tờ xe đứng tên Kiều Văn C hợp đồng vay tài sản không ghi ngày tháng giữa ông Nguyễn Trung Q với bà Vương Thị Tố L.

- Ông V, bà X, chị C, ông Quân, ông Trường và bà L có nghĩa vụ liên đới giao trả 02 xe ô tô tải biển số 70C-07853 và 70C-07894 cho ông C; ghi nhận Ông C đang trực tiếp quản lý, sử dụng 02 xe ô tô trên. Tòa án nhân dân huyện B, Tây Ninh đã có quyết định hủy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; ghi nhận Ông C không yêu cầu ông V trả số tiền 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Tố L đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Sở V.

Buộc ông Nguyễn Sở V có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T số tiền 109.166.600 đồng (một trăm lẻ chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Ông Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ trả tiền cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Tố L đối với ông Nguyễn Trung Q.

Buộc ông Nguyễn Trung Q có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T số tiền 27.291.600 (hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/12/2018, bà Vương Thị Tố L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng

đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 23/12/2017 giữa ông V và bà L có xác lập giao dịch vay tài sản; ông V vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng và giao cho bà L giữ xe ô tô tải biển số 70C-07853 cùng giấy tờ xe đứng tên Kiều Văn C; có làm biên nhận; có nhân chứng Nguyễn Văn T ký tên; đến nay ông V còn nợ số tiền 100.000.000 đồng; các bên đều thừa nhận. Do đó cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” phù hợp theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà L:

Bà L cho rằng không quen biết ông Nguyễn Sở V; nhưng do uy tín của ông Nguyễn Văn T nên bà cho ông V vay số tiền 100.000.000 đồng; ông T trực tiếp nhận tiền của bà; do đó ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng ông V; trong đó nghĩa vụ của ông T 100.000.000 đồng; nghĩa vụ của ông V 0 đồng trên số nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2018 đến khi giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Biên nhận ngày 23/12/2017 thể hiện số tiền vay 100.000.000 đồng người vay là ông Nguyễn Sở V; người làm chứng là ông Nguyễn Văn T; ông V đã thừa nhận do ông trực tiếp nhận số tiền vay là nợ riêng của ông và đồng ý trả nợ cho bà L; bà L cho rằng ông T trực tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà L không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ; ông T không thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Sở V có nghĩa vụ trả cho bà L và ông Trường số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Do giao dịch giữa các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời điểm tính lãi; Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018 gồm 11 tháng; áp dụng Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với lãi suất 10%/năm; buộc ông V trả cho bà L và ông Trường số tiền 9.166.600 đồng là phù hợp.

[3] Bà L kháng cáo yêu cầu ông T có nghĩa vụ cùng ông V trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi; nhưng không có chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây ; giữ nguyên bản

án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị Tố L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh .

Căn cứ các Điều 117; 122; 130; 131; 427; 463 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn C đối với ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10-12-2017 và Hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 11/12/2017; giữa ông Kiều Văn C và ông Nguyễn Sở V, bà Đỗ Thị X và chị Nguyễn Thị Bích C.

Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán tài sản ngày 13/12/2017; giữa ông Nguyễn Sở V và ông Nguyễn Trung Q.

Tuyên bố vô hiệu đối với phần thỏa thuận liên quan đến xe ô tô tải biển số 70C-07853 và giấy tờ xe đứng tên Kiều Văn C tại Hợp đồng vay tài sản ngày 23/12/2017; giữa ông Nguyễn Sở V với bà Vương Thị Tố L.

- Tuyên bố vô hiệu đối với phần thỏa thuận liên quan đến xe ô tô tải biển số 70C-07894 và giấy tờ xe đứng tên Kiều Văn C đối với Hợp đồng vay tài sản không ghi ngày tháng; giữa ông Nguyễn Trung Q và bà Vương Thị Tố L.

Ông V, bà X, chị C, ông Quân và ông Trường, bà L có nghĩa vụ liên đới giao trả xe ô tô tải biển số 70C-07853 và 70C-07894 cho ông Kiều Văn C; Ghi nhận Ông C đang trực tiếp quản lý, sử dụng; Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã có quyết định hủy áp dụng số tiền 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Tố L đối với ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Sở V.

Buộc ông Nguyễn Sở V có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T số tiền 109.166.600 đồng (một trăm lẻ chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Ông Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ trả tiền cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Tố L đối với ông Nguyễn Trung Q.

Buộc ông Nguyễn Trung Q có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị Tố L và ông Lê Quang T số tiền 27.291.600 (hai mươi bảy triệu hai trăm chín mươi một nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V, bà X, chị C phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho Ông C số tiền 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0021277 ngày 01/02/2018; số tiền 15.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0021282 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh;

Ông Nguyễn Sở V phải chịu số tiền 5.458.500 (năm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn năm trăm) đồng;

Ông Quân phải chịu số tiền 1.364.500 (một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho bà L số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0021312 ngày 01/3/2018; số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0021311 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Vương Thị Tố L phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; khấu trừ vào số tiền bà L đã nộp theo biên lai thu số 0021777 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS h.Bến Cầu;
- TAND h.Bến Cầu;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Minh Châu